LUẬN BIỆN CHÁNH

QUYỂN BẢY

CHƯƠNG TÁM: QUẢ BÁO TƯƠNG GIAO CỦA KÍNH TIN VÀ HỦY BÁNG

Nho sinh hỏi: Tạo tượng viết kinh, vốn mong hiện phước. Trì trai hành đạo, quý được lợi ích trước mắt. Cớ sao xưng niệm Địa Tạng mà không chứng nghiệm, kêu gọi Quán Âm mà chẳng được cứu? Ương họa bảy nạn lưu luyến đua nhau nhóm tập, nguyện của hai cứu dắt tay chẳng theo. Phùng Sĩ Cán có văn cật hỏi Thánh, Dương Huyễn Chi đặt viết luận lỗi Thần linh, nhọc nhằn luống khổ uổng phí châu ngọc, chuyên việc nói khoe, hiếm nghe thật lục. Chẳng chỉ người làm thiện không được hiệu nghiệm đó, mà kẻ làm ác vẫn an nhiên nhận vinh dự đó. Đâu để ý Thích môn, trái lại thành ô hợp?

Bậc Khai sĩ dụ bảo: Phàm U hiện khó mở, chỉ tin có thể vào; sóng cả mênh mông, chỉ trí hay vượt qua được. Trí là nền tảng của vượt Thánh, tin là gốc của vượt phàm, vốn nhân tin mà lập hạnh, độ nhờ trí mà thần lắng. Tin là công của chiêu phước, trí là thuật để trở lại nguồn. Nên nói: Người có trí có thể lấy điều nghe hợp lý, người ôm giữ niềm tin có thể để thành đạo thầy trò. Phu Tử nói: "Binh lính ăn thì có thể quên, niềm tin không thể mất". Nay phải vì đó mà luận rõ yếu chỉ vậy. Phàm, cảm ở tại tinh thành, đạo do khẩn khổ, ý chẳng chuyên đạo lấy gì khắc tâm, chẳng chí cảm không lấy gì làm thông? Cho nên, Sô Diễn than dài linh sương ngày hạ, Lý Quảng chú tâm cắt cánh lấp đá, Tướng quân bái giếng, Sơ Lặc suối bay, Minh phủ cúi đầu, Giang lăng lửa tắt. Nếu vạch can bày đảm giao mạng ném hình hài, phước phước cùng giúp, niệm niệm không nhọc mệt, bèn có thể trở lại tuổi thọ, chuyển trừ tai chướng, đâu chỉ được phước thọ ân ấy ư? Ngoài đã có vậy trong cũng không sai. Nếu cho rằng Quán Âm không thần, thì Sĩ Cán do đâu mà khỏi chết? Địa Tạng không sức lực, thì Hiếu Khiêm nhờ ai mà được an toàn?

Đến như Kiến An cảm mộng mà bệnh tật được lành (truyện Cảm Ứng nói: Tề Kiến An Vương mắc bệnh chảy mủ vàng, xưng niệm Quán Âm không ngưng nghỉ, ban đêm thấy Quán Âm tự tay trao cho thuốc, đến sáng sớm bệnh lành). Văn Tuyên giáng linh mà bệnh khỏi (Nội truyện của Tề Cánh Lăng Vương nói: Vương Dị bệnh nhiệt, nửa đêm chết ngất, mộng thấy tôn tượng vàng tự tay rưới nước thần ấm nóng, nhân đó bèn được bình phục). Cao Vương hành hình mà dao gãy (Ở thời nhà Tề có kẻ tù, tội đáng xử nghiêm trọng, mộng thấy có vị Thánh tăng, miệng tụng truyền cho lời kinh, bèn chí tâm tụng niệm đủ vài ngàn biến. Đến lúc đưa ra hành hình, dao gãy, nhân đó bèn được khỏi chết. Kinh đó chính là kinh "Cao Vương Quán Thế Âm" vậy). Tôn tượng vàng thay chịu chém chặt mà trên cổ có vết thương (truyện Cảm Ứng nói: Trương Dật làm việc đến chết, dự định tu tạo tôn tượng bằng vàng, sớm tối mong cầu được mạng sống. Đến lúc đưa ra hành hình, dao gãy mà trên cổ không vết thương tích. Có vị Quan hỏi về nguyên nhân, Trương Dật đáp: "Chỉ chuyên lễ bái tôn tượng". Trên cổ tôn tượng ấy có hai vết sẹo dao chém, vết sẹo đỏ như huyết, nhân đó mà được khỏi).

Người dòng họ Tạ giao thông tâm hồn, được thấy con đã chết, nhân đó mà cầu phước (Tấn Lục nói: Phu nhân của Long Da Vương Ngưng, vốn dòng họ Tạ tên Thao ở quận Trần, là con gái của Nguyên Dịch, là người thanh tâm huyền chỉ, dáng vẻ tài tú xa cao, bị chết hai người con trai nên đau khổ rất lắm, suốt thời gian sáu năm chẳng vén mở màn trướng. Bỗng thấy hai người con trở về gông cùm lớn, khuyên mẹ tự khoan tha, nói là bị tội không được khỏi, chỉ làm phước mới có thể được miễn đó. Lại thuật nói rõ đủ các thứ thống khổ. Người mẹ (Tạ Thao) vì đó mà cầu phước mong được phước giúp vậy). Tôn Tộ thấu đạt sâu xa, thấy người chết mất mà thiết trai (Tuyên Nghiệm ký nói: "Tôn Tộ người ở Trở dương - nước Tề, làm Thái trung đại phu. Thuở thiếu thời có người con nhỏ tự là Pháp Huy, rất thông minh mẫn tuệ, kính phụng Phật pháp. Năm Hàm Khang thứ nhất (335) thời Đông Tấn, Pháp Huy vừa mười tám tuổi, làm Quế Dương quận mắc bệnh mà chết, khi ấy Tôn Tộ đang trấn nhậm tại Võ xương. Đến ngày mồng tám tháng tư năm Hàm Khang thứ ba (337) thời Đông Tấn, Tôn Tộ thiết lập đạo tràng, thỉnh Phật mời Tăng thiết trai hành đạo, thấy Pháp Huy đứng trong chúng theo sau tôn tượng, bèn đến hỏi han. Pháp Huy quỳ bái, nói rõ ở và tiện đó theo cha mẹ về nhà. Trước đó, Tôn Tộ có bệnh, Pháp Huy nói không có họa lớn, đến tháng năm sẽ lành, nói xong bèn từ biệt". Nói tạo phước cứu giúp u hồn khỏi khổ, việc ấy không hư dối

vậy).

Trường Thư một lời xướng mà gió xoay, tuổi trẻ bốn lần ném mà lửa tắt (Tấn Lục, Minh Tường Ký nói: Ở đời Tấn có Trúc Trường Thư vốn người xứ Thiên Trúc, chuyên tâm tụng kinh Quán Thế Âm. Sau đến ở Ngô trung, bấy giờ trong ấp gặp phải nạn lửa, phòng nhà liền cột, rui tranh biết lẫn nhau, lửa đến đều cháy cả, không thể nào cứu được. Nhà của Trường Thư ở dưới gió, trong ý cho là hẳn bị thiêu hủy, nên nhất tâm xưng niệm Quán Thế Âm. Lửa sắp đến nhà Trường Thư, gió liền xoáy ngược, lửa tắt, cuối cùng nhà được khỏi nạn. Cả huyện đều kinh dị, ngợi ca đó là có thần. Bấy giờ có gã tuổi trẻ hung ác lấy làm quái lạ, không biết Lão Hồ ấy có linh ứng gì mà lửa thiêu đốt không cháy, bèn đang nửa đêm gió dữ, gã tuổi trẻ đó đem lửa ném vào phòng nhà bốn lượt mà đều tắt mất. Gã tuổi trẻ đó thán cảm, đến sáng sớm vào nhà cúi đầu hối tạ lỗi qua. Trường Thư bảo: "Tôi không thần lực, chỉ xưng niệm Quán Thế Âm lấy làm hạnh nghiệp thường chuyên, nên mỗi lúc hữu sự thường được thoát khỏi vậy").

Sa-môn Tăng Hồng ở trong tù cấm, được tôn tượng chú đúc đưa tay xoa đầu (Minh Tường ký nói: Trong thời nhà Tấn, có Sa-môn Tăng Hồng ở chùa Ngõa Quan tại kinh đô. Năm Nghĩa Hy thứ mười hai (416) thời Đông Tấn, đang lúc quan cấm chú đúc tôn tượng, mà Sa-môn Tăng Hồng đã phát tâm chú đúc tôn tượng bằng vàng cao trượng sáu. Nếu được viên mãn thì có chết cũng không hận, bèn liền trộm chú đúc. Đúc xong tôn tượng hiện còn trong khuôn, thì Quan sở ty bắt Sa-môn Tăng Hồng giam cầm trong phủ, gông cùm rất nghiêm mật. Sa-môn Tăng Hồng nhất tâm chuyên niệm Quán Thế Âm, mỗi ngày tụng trăm biến, bèn mộng thấy tôn tượng vàng mình chú đúc vào đến trong ngục đưa tay xoa đầu, bảo: "Không phải lo sợ!" Trước ngực tôn tượng đó có khoảng một thước sắc màu đồng rực cháy. Những ngày Sa-môn Tăng Hồng đang ở trong ngục cấm, thì trâu ngựa khắp cả nước nhà đều chẳng chịu vào chuồng, bấy giờ mọi người lấy làm quái lạ. Qua mười ngày sau có sắc ban đưa đến Bành thành, Sa-môn Tăng Hồng nhân đó được phóng thả, phá khuôn, tôn tượng tự hiện).

A Luyện thác sinh mà tiếng Hồ vượt miệng (Minh Tường ký nói: Vợ của Lang Da Vương Mân không sinh con, thường khấn cầu Quán Âm để xin con. Sau đó, Vương Mân đi đường gặp vị Tăng người Hồ, trong ý rất vui mừng đó. Vị Tăng ấy bảo: "Sau khi tôi chết sẽ làm con của ông". Qua thời gian ngắn, vị Tăng ấy tịch, ba tháng sau, vợ Vương Mân mang thai, đến lúc sinh, đứa trẻ liền biết nói, hiểu âm mười sáu

nước xứ Tây Vức, rất thông minh có khí độ. Đó tức là thân của Thượng thư Vương Uyên Minh thời nhà Tấn. Nên lúc nhỏ có tên là A Luyện, mọi việc trước lúc sinh đều có ứng nghiệm vậy).

Đức Tổ nhất tâm, mây giăng mê mờ Lỗ Kỵ (Tuyên Nghiệm ký nói: Có Mao Đức Tổ người xứ Vinh Dương, mới đầu đi lính ở Giang nam, lén trộm đường. Giữa đường gặp phải Lỗ Kỵ đuổi bắt, bèn núp ẩn trong cỏ lau bên cạnh đường. Vì cỏ thấp lau thưa nên nửa thân mình còn lộ bày, trong ý Đức Tổ hẳn phải chịu chết. Cả nhà im lặng xưng niệm Quán Thế Âm, bỗng chốc mây nổi mưa đổ. Đức Tổ bèn được thoát khỏi nạn).

Lý Nhu mặc niệm, đàn giặc ngựa kinh hãi (Tuyên Nghiệm ký nói: Đội chủ Lý Nhu sau đến trấn Hổ Lao, bị Ngụy Lỗ vây bao, nguy cấp đến nơi, nửa đêm vượt thành ra thấy giặc, ngang dọc đều nằm. Lý Nhu mới nhất tâm xưng niệm Quán Thế Âm, tiện qua nơi giặc đến một đầm thiêu, giặc liền đuổi theo lại, Lý Nhu bèn vào núp trong cỏ, chưa kịp ẩn kín, mà đàn ngựa đã đến nơi cỏ. Lý Nhu kinh hãi, chợt nhất tâm xưng niệm Quán Thế Âm, bỗng nhiên giặc ngựa kinh sợ bỏ chạy, nhân đó mà Lý Nhu thoát khỏi).

Quách Tuyên hứa tiền gông cùm tự mở, Xử Mậu trái thề tên rơi bắn trúng. (Năm Nghĩa Huy thứ mười một (415) thời Đông Tấn, Quách Tuyên ở quận Thái Nguyên cùng Văn Xử Mậu ở quận Thục, trước kia cùng Lương châu thứ sử Dương Mục Kính làm bạn. Dương Mục Kính vì hại người nên bị bắt giam. Do đó, Quách Tuyên và Xử Mậu đồng bị gông cùm, xưng niệm Quán Thế Âm qua sau mười ngày, giữa đêm canh ba, mộng thấy một vị Bồ-tát đến an ủy dẫn dụ, bảo là mạng lớn không phải âu lo, cũng tự thấy gông cùm tự mở, tới sáng thì khóa trói lại. Như vậy qua vài lần, hai người vui mừng cùng nhau phát nguyện: "Nếu được khỏi tội thì mỗi người xuất mười ngàn tiền đưa đến chùa Tây Minh để tu tạo công đức". Cùng lập nguyện lớn xong, ít ngày sau cả hai người đều khỏi. Quách Tuyên y như lời nguyện đưa tiền đến chùa, còn Xử Mậu nuốt trái lời thề không đưa tiền đến, nên khi lo việc theo dấy nổi binh lính, đang ở trong quân lính tại Tra bồ, bị trúng tên rơi lạc, đang lúc chưa chết, Xử Mậu nói: "Ta có tội lớn!" Nói xong bèn chết).

Hà Hồ cảm Thánh, mẹ bệnh mới lành (Truyện Hà Thị nói: Hà Hồ tự là Trọng Bảo, ở thời nhà Lương làm Bắc chinh tư nghị, hiểu rộng học nhiều, mới đầu rất có tiếng tăm, sửa Tả Thị Xuân Thu, lược thông đại nghĩa, tánh hiếu thuần hậu, phụng sự thân thích rất cung cẩn. Người mẹ mắc bệnh, đi tìm cầu thầy thuốc mà chẳng cưỡi ngựa xe, bỗng cảm vị

Thánh Tăng thể chất khác thường tay nắm lò hương đến cầu trai thực mà đến không sớm muộn, nên nghi đó là phi thường. Như vậy hơn mười ngày, người mẹ bệnh có phần thuyên giảm. Vị Tăng ấy bèn giả từ mà đi, lưu lại một quyển kinh Bát-nhã viết trên lụa trắng, nhân đó nắm tay Hà Hồ mà bảo: "Bần đạo là tướng Nhân Bất Thối trong hai mươi bảy Hiền thánh, cảm sự chí tâm của Đàn-việt, nên đến thăm chữa bệnh. Nay người bệnh đã lành, bần đạo nên lui về". Nói xong, bèn thẳng hướng trước mà đi, bỗng nhiên không thấy mà khói lò hương phảng tỏa một tuần mới hết. Tinh thành được ứng cảm, nên từ triều đình đến thôn dã đều tán thán. Nhân đó, Hà Hồ xả thí vườn nhà riêng mà tạo dựng chùa Nguyệt Ái).

Trương Ứng xả tà, người vợ mắc bệnh bèn lành (Linh Quỷ Chí nói: Trương Ứng ở huyện Lịch Dương, trước kia là nhà Ma cưới con gái nhà Phật làm vợ. Năm Hàm Hòa thứ tám (323) thời Đông Tấn, chuyển dời đến ở Yến Hồ, người vợ mắc bệnh do vì ma sự, của cải trong nhà sắp hết cả, người vợ bảo: "Tôi vốn là con gái nhà Phật, xin nên vì tôi mà làm Phật sự". Trương Ứng đến trong Tinh xá, gặp Sa-môn Trúc Đàm Cảnh, Đàm Cảnh bảo: "Phật cứu tế chúng sinh khắp cùng chẳng kể là ai, chỉ cần ông phải nhất tâm thọ trì thân giới". Đàm Cảnh kỳ hẹn ngày mai sẽ đến nhà. Chiều tối hôm đó, Trương Ứng mộng thấy có một người thân hình cao lớn trượng năm, sáu, thẳng hướng từ phía Tây bắc ngay nhà mà vào, bảo: "Nhà này vắng vẻ, vả lại bất tịnh". Đang trong mộng, thấy Sa-môn Đàm Cảnh theo sau người ấy thưa rằng: "Nhà này mới muốn phát ý, chưa thể mỗi một đều trách đó". Trương Ứng đưa tay nhụi mắt mà tỉnh giấc, bèn đốt lửa làm tòa cao và tòa quỷ Tử mẫu. Sáng ngày, đúng giờ thọ thực, Sa-môn Đàm Cảnh đến nhà Trương Ứng, mọi thứ thuộc tòa cao đều hoàn thành đầy đủ, nghe Trương Ứng kể lại điều mộng, bèn cả vợ chồng đồng thọ ngũ giới, bệnh cũng dần lành).

Khương A Đắc tạo dựng chùa tháp nên được phóng thả trở về (U Minh Lục nói: Khương A Đắc chết, ba ngày sau sống lại kể rằng: "Lúc mới chết có hai người cặp nách, có ngựa trắng và quan lại cưỡi đi. Không biết đi được mấy dặm, thấy ở hướng Bắc có cửa đen tối, vào hướng Nam thấy hướng Đông có cửa đen tối, vào hướng Tây thấy hướng Nam có cửa đen tối, vào hướng Bắc thấy có nhà gạch rộng hơn mười gian, có người mặc y phục sắc đen, đội mũ lồng, bên cạnh có hai mươi quan lại, đều nói là Phủ Quân. Ở phía Tây nam lại có bốn mươi - năm mươi quan lại. Khương A Đắc bèn đến trước kính bái Phủ Quân. Phủ Quân hỏi: "Đã từng phụng sự điều gì?" Khương A Đắc đáp: "Ở nhà

tạo lập Phật tượng chùa tháp, cúng dường đạo nhân". Phủ Quân bảo: "Ông phước đức lớn vậy!" Rồi hỏi Đô lục Sứ giả: "Người này mạng đã hết chưa?" Thấy mang đến một quyển sách, cúi xuống đất mà đặt để trên án, chữ trong sách rất nhỏ, và tâu là: "Số mạng còn ba mươi lăm năm". Phủ Quân tức giận bảo: "Kẻ tiểu lại cớ sao dám đoạt mạng người vậy?" Bèn trói vị quan lại cưỡi ngựa trắng ấy vào trụ, xử phạt đánh trăm trượng, máu đổ lai láng. Xong, hỏi Khương A Đắc: "Muốn trở về lại chăng?" Khương A Đắc đáp: "Muốn". Phủ Quân bảo: "Nay phải đưa ông trở về, và tiện đây sẽ đưa ông nên đi trông xem địa ngục". Bèn cấp cho một con ngựa và một người dẫn theo, theo hướng Đông bắc đi ra. Không biết đi được mấy dặm, thì thấy một thành vuông vài mươi dặm, có nhà cửa đầy khắp thành, nhân đó mà thấy vong Bá bá mẫu và Thúc thúc mẫu lúc chưa kính phụng Phật, đều mang gông cùm, áo xiêm rách nát, thân thể nồng tanh hôi hám. Lại theo phía trước thẳng đi, thấy có một thành, trong đó có người nằm trên giường sắt, lửa thiêu đốt giường cháy đỏ. Phàm thấy khoảng mười ngục, mỗi mỗi ngục đều có đủ các thứ khổ độc. Các ngục tên là Cát đỏ, Cát vàng, Cát trắng, như vậy có đến bảy thứ cát; có núi dao cây kiếm, có ôm cột đồng cháy đỏ. Khi ấy bèn trở về, lại thấy các nhà liền tiếp bảy mươi - tám mươi gian, cặp theo đường đi trồng cây hoè, gọi đó là Phước xá, nhưng chẳng có chư Phật ở trong đó. Người phước nhiều thì sinh lên trời, người phước ít thì sống trong nhà ấy. Xa thấy đại điện rộng hơn hai mươi gian, có một người nam, hai người nữ từ trên điện đi xuống, thì chính là vong Bá bá mẫu và vong Thúc thúc mẫu của Khương A Đắc sau khi đã kính phụng Phật. Chốc lát, thấy một đạo nhân đến hỏi Khương A Đắc: "Ông biết tôi chăng?" Khương A Đắc đáp: "Không biết". Đạo nhân ấy bảo: "Cớ sao ông không biết tôi? Tôi cùng ông làm Phật đồ chủ". Khi ấy Khương A Đắc bèn cười mà nhớ đó. Về đến nơi Phủ Quân, bèn sai hai người trước đưa trở về, chốc lát mà sống lại).

Thạch hiền giả cúng dường Phạm tăng mà được sống (U Minh Lục nói: Thạch Trường Hòa chết, bốn ngày sau sống lại nói: "Lúc mới chết, theo hướng Đông nam mà đi, thấy hai người dẫn đường, thường cách khoảng năm mươi bước, Thạch Trường Hòa có chạy nhanh cũng vậy. Hai bên đường gai gốc đâm chính đều như móng chim ưng, thấy mọi người lớn nhỏ từng đoàn chạy trong gai gốc như bị rượt đuổi, thân thể rách nát, giữa đất có máu đọng. Người trong gai gốc thấy Thạch Trường Hòa riêng đi trên đường bằng phẳng, mới than thở bảo là: "Đệ tử Phật riêng được đi trong đường lớn". Đi tới phía trước thấy có bảy mươi - tám

mươi gian nhà liên tiếp nhau, bên trong có hơn mười gác, trên sườn nhà có cửa song, bên trong có người mặt lớn vuông ba thước, mặc áo bào sắc đen cặp vá bốn nách, chỉ bày tay áo trở lên. Thấy Thạch Trường Hòa, bèn liền hướng trông kính bái, và nói: "Thạch hiền giả đến đó ư? Một lần cách biệt đã hơn hai mươi năm!" Thạch Trường Hòa nói: "Phải vậy!" Trong ý bèn như có nhớ. Khi ấy, có vợ chồng Phùng Mạnh Thừa đã chết trước. Người trên gác hỏi: "Hiền giả biết Thừa chăng?" Thạch Trường Hòa đáp: "Biết". Người trên gác bảo: "Mạnh Thừa lúc sống không tinh tấn, nay luôn vì ta mà quét đất, còn vợ Mạnh Thừa tinh tấn yến nhiên, nên cũng làm việc với quan gia". Và đưa tay chỉ vào một phòng ở phía Tây nam tiếp bảo: "Vợ của Mạnh Thừa hiện nay ở trong đó". Vợ Mạnh Thừa liền mở cửa đi ra, thấy Thạch Trường Hòa, bèn hỏi: "Thạch hiền giả đến đây lúc nào?" Và hỏi khắp mọi người lớn nhỏ con cái trong nhà có được bình an chăng? Lúc nào trở về ngang qua đây, xin gởi một lá thư. Chốc lát liền thấy Mạnh Thừa từ đầu phía Tây gác đi lại, một tay nắm chổi ky hốt quét phẩn bụi, một tay nắm đai, cũng hỏi tin tức ở nhà. Trên gác có một người hỏi: "Nghe cá rồng siêu tinh tấn, có tin vậy chăng? Ông tu hành như thế nào?" Thạch Trường Hòa đáp: "Không ăn cá thịt, rượu chẳng dính qua môi, thường đọc tụng Tôn kinh, cứu các bệnh khổ". Người trên gác bảo: "Lời lưu truyền không hư dối". Người trên gác lại hỏi Độ Lục chủ rằng: "Thạch hiền giả mạng đã hết chăng? Sao uổng đoạt mạng ấy vậy?" Đô lục chủ nói: "Còn hơn bốn mươi năm". Người trên gác bảo: "Riêng đưa một xe chở đôi tích, xa kỵ hai kẻ lại tiễn đưa Thạch hiền giả". Phút chốc, từ phía Đông bèn có xa kỵ và người theo như số đã sai bảo. Thạch Trường Hòa bèn bái từ, lên xe mà trở về. Trên đường đi phía trước, bên cạnh có trạm dừng nghỉ. Kẻ lại và dân ăn uống đầy đủ, chốc lát về đến nhà. Trước tiên thấy cha mẹ ngồi bên cạnh thây của mình, thấy thây trướng lớn như trâu, nghe mùi hôi thối, nên không muốn vào trong mà đi nhiễu quanh thây xác ba vòng. Thạch Trường Hòa tha thở, đến đứng trước đầu thây xác, vong hồn người chị ở phía sau xô đẩy đó, bèn rơi vào trên mặt thây xác, nhân đó, liền sống lại vậy).

Quỷ cũ lắm hiểu biết, hay hiện quái lạ mà được hưởng ăn ngon lành. Quỷ mới không biết, vào nhà Phật mà vận chuyển cối xa (Biến Lược nói: Có quỷ mới không được ăn uống thân hình gầy ốm. Bỗng gặp một quỷ cũ chết đã nhiều năm thân thể béo tốt khỏe mạnh, bèn cùng hỏi thăm nhau, xin chỉ cách thức sống. Quỷ cũ đáp: "Hãy vì người mà làm điều quái lạ, người hẳn kinh sợ, nhân đó hiến dâng các thứ ăn

uống mới được béo tốt mạnh khỏe". Quỷ mới bèn vào nhà phụng thờ Phật, nhà đó tinh tấn thường tu thiện nghiệp, thấy ở phòng phía Tây có cối xay. Quỷ mới đến đó xay đẩy, chủ nhà vui mừng bảo cùng con em rằng: "Nhà tôi nghèo khổ, Thiên thần đến giúp giả xay, hãy gấp khiêng chuyển thóc lúa cho đó". Đến chiều xay được vài mươi hộc thóc. Thế rồi, quỷ không được ăn uống gì, mà nhọc mệt bèn bỏ đi, lại đến trên cối của một nhà khác mà giả. Nhà đó chánh tín, cũng cùng vui mừng bảo: "Hôm qua xay ở nhà kia, nay đến nhà ta giả". Càng thêm lúa thóc, sai bảo kẻ tớ sàn dần đưa đến, đến chiều được năm mươi hộc gạo. Như vậy, quỷ mới nhọc mệt quá lắm lại không được ăn uống, trong tâm tức giận chẳng nhẫn chịu nỗi. Đêm đến, gặp quỷ cũ mới trút đổ hết oán trách. Quỷ cũ bảo: "Ông tự chẳng nghĩ tính vậy, hai nhà đó kính phụng Phật, tâm họ chánh tín khó lay động, dụng tâm nhất chí cũng có thể cảm triệt, bọn ta mình không, đáng phải làm kẻ bị sai sử đó. Nay đi có thể tìm nhà ở phía trước có cành trúc, treo đoạn lụa ngắn rủ xuống cửa. Đến đó mà làm quái lạ". Quỷ mới bèn nghe theo đến một nhà trước cửa có cành trúc, thấy một đàn con gái ngồi trước song cửa cùng ăn, trong sân có một con chó lông trắng. Quỷ mới bèn khiến con chó đi hỏng trên không, mọi người trong nhà đó kinh sợ, nói rằng: "Từ lúc sinh đến nay, chưa thấy quái lạ như vậy". Đi xem bói, bảo rằng: "Khách quỷ đến đòi ăn, có thể giết chó làm bánh quả đặt để trong sân mà cúng tế đó, thì sẽ được không việc gì xảy ra". Người nhà ấy y theo lời thầy bói mà làm, quỷ mới bèn được ăn, về sau thường luôn no đủ).

Triệu Thái tinh tư (thiền định), chỉ thiện thì cầu (U Minh Lục nói: Triệu Thái tự là Văn Hòa, người xứ Bối châu - Thanh hà, chốn công phủ mời chẳng đến, tinh cần suy xét điển tịch, làng nước đều ngợi khen. Năm Thái Thủy thứ năm (269) thời Tây Tấn, khi ấy mới ba mươi lăm tuổi, nửa đêm mồng ba tháng bảy, Triệu Thái đau tim mà chết. Trên ngực còn ấm nóng, thân thể co duỗi mềm mại, nên để thây xác lại chưa tẩm liệm. Đến mười ngày, hơi khí ở cổ họng phát ra như sấm, mở mắt, đòi ăn uống, bèn ngồi dậy nói: "Lúc mới chết, có hai người cưỡi ngựa vàng và hai lính đi theo, chỉ nói là "bắt đưa đi". Hai lính cặp hai nách, theo hướng Đông đi không biết mấy dặm, chỉ thấy một thành lớn như sắt thiết ngay thẳng cao vợi. Từ cửa thành phía Tây đi vào nhà quan phủ, có hai lớp cửa đen, phòng nhà liền tiếp nhau vài mươi rường, có khoảng năm mươi đến sáu mươi người vừa nam vừa nữ cùng đứng: Kẻ lại mặc áo đơn sắc đen dẫn năm - sáu người chú sớ, tên họ các người nam nữ riêng khác, bảo chẳng động, phải vào khoa trình Phủ Quân. Tên của

Triệu Thái ở thứ ba mươi. Chỉ phút chốc dẫn vào, Phủ Quân ở hướng Tây xoay ngồi, khoa nêu trình án danh. Lại dẫn theo hướng Nam vào cửa đen, có một người mặc áo sắc ráng xanh ngồi dưới phòng lớn, theo thứ lớp mà gọi tên. Trước hỏi: "Lúc sống làm việc gì, có tội quá gì, làm công đức gì, tạo được việc lành gì?" Người nói mỗi mỗi chẳng đồng. Chủ giả bảo: "Hứa cho các người từ sai khiến sáu bộ Đô Lục Sứ giả, thường ở tại nhân gian ghi sợ mọi việc làm thiện ác của người để cùng kiểm hiệu, người chết có ba đường ác: Giết hại, khấn đảo cúng tế là rất nặng, kính phụng Phật pháp, thọ trì ngũ giới, thực hành Thập thiện, từ tâm bố thí, sau khi chết sẽ vào Phước xá an ổn" vv... Triệu Thái đáp: "Không làm một việc thiện gì, cũng chẳng phạm tội ác". Khoa hỏi Đô Cánh Sứ làm Thủy quan, giám làm lại dẫn hơn ngàn người vốc cát đắp trên bờ, ngày đêm cần khổ, gào khóc hối hận nói: "Lúc sống không làm việc thiện, nay bị đọa đến xứ này, sẽ trở về đòi thay thế. Sau chuyển làm Thủy quan đô đốc, trông coi việc ở các ngục, cấp cho ngựa và binh lính". Theo hướng Đông đến địa ngục án hành, lại ngược đến địa ngục Nê-lê, có năm ngàn - sáu ngàn kẻ nam người nữ, có cây lớn giăng tỏa rộng hơn năm mươi bộ cao ngàn trượng, bốn phía đều có dao kiếm dựng ngược lên. Người mang lên cây đốt lửa, phía dưới mười mười năm năm rơi lửa, kiếm trên đâm xuyên thân thể họ, nói: Những người ấy là chú trớ mắng chửi, chiếm đoạt tài vật của người". Điệu thương lương thiện, thấy cha mẹ và hai em của Triệu Thái ở trong đó gào khóc. Thấy có hai người mang văn thư lại và bảo cùng Ngục lạc: "Có ba người ở nhà phụng thờ Phật, vì họ đến trong chùa treo phan đốt hương chú nguyện cầu giải tội quá của lúc sống". Ra đến nơi Phước xá đã thấy tự nhiên y phục. Lại thẳng đến một cửa đề tên là Khai Quang Đại Xá, có ba lớp cửa đen đều vách tường sắc trắng trụ đó. Ba người ấy liền vào cửa, thấy đại điện trân báu sáng lóa mắt. Trong nhà có hai sư tử đều nằm, trên lưng mang đội một sàng tòa bằng vàng ngọc, gọi tên là tòa sư tử. Thấy có một người thân cao trượng sáu, dáng hình sắc màu vàng ròng, cổ có vàng ánh sáng sắc trắng, ngồi trên tòa đó, bốn phía có các Sa-môn đứng hầu rất đông, đều là chân nhân Bồ-tát. Thấy Thái sơn phủ quân đến, Triệu Thái hỏi kẻ lại: "Đó là người nào?" Kẻ lại đáp: "Vị đó là Phật, bậc thầy cứu độ người trời". Bèn nghe Phật nói nay muốn dùng từ tâm cứu độ người trong đường xấu ác đây và trong các địa ngục đều khiến ra nghe. Lúc nói như vậy, có một triệu chín ngàn(1.009.000) người đồng một lúc được ra khỏi, địa ngục liền trống không, chuyển dời đến trăm dặm trong thành, ở trong đó đều là những đệ tử kính phụng Phật pháp,

phải qua Phước xá bảy ngày theo đi, các công đức tạo tác. Có người làm ít có người không có, lại thấy có gọi mười người khác sẽ sinh lên trời, có xe ngựa theo hầu nghinh đưa lên hư không mà đi. Khi ra lại thấy một thành ngang rộng hơn hai trăm dặm, tên là Thành kẻ lại thọ biến hình, nói là lúc sống chưa nghe Đạo pháp mà địa ngục xét trị đã xong, phải đến ở thành ấy lại thọ chịu biến hình. Vào cửa đó đang thấy vài ngàn vạn nhà đất có phường hẻm, chính giữa có nhà ngói lớn rộng hơn năm ngàn bộ, dưới phòng nhà có hơn năm trăm kẻ lại đối đáp thâu nhận tên người. Hình trạng người tạo ác làm thiện tùy theo đường biến đổi thân hình, mỗi mỗi tùy theo chỗ đến mà đi. Với kẻ sát sinh v.v... sẽ phải làm thân trùng phù du sớm sinh tối chết; nếu ra làm người thường phải bị đoản mạng. Kẻ trộm cướp thì làm thân heo dê, bị giết mổ thịt để đền trả. Kẻ dâm dật thì làm thân bồ câu, vịt trời. Kẻ nói lời đôi chiều thì làm thân chim cú, tiếng kêu hung ác, người nghe đều nguyền rủa muốn khiến chết. Kẻ hay chỉ trách thì làm thân loa lừa ngựa trâu cá rùa. Phía dưới nhà lớn có phòng nhà, đất ở phía Bắc có một phía Nam có hai, gọi từ cửa phòng phía Bắc đi vào mà ra cửa phòng phía Nam, đều biến thân hình làm chim thú. Lại thấy có một thành ngang rộng trăm dặm, trong đó, phòng nhà bằng ngói gạch, ăn ở khoái lạc, nói là người lúc sống không làm những việc xấu ác, không thấy Thiên đạo, cũng không nhận chịu tội, gọi đó là thành quỷ, sau ngàn năm được ra làm người. Lại thấy có một thành rộng hơn năm ngàn bộ, gọi là địa ngục, bên trong trích phạt, thống khổ chẳng thể kham, trở về đời một đời nhà vì giải mở trích phạt, đều tại trong thành ấy. Có năm sáu mươi vạn kẻ nam người nữ đều thân hình lõa lồ không y phục, đói khổ cùng ép bức, thấy Triệu Thái, bèn cúi đầu gào khóc. Triệu Thái hỏi kẻ lại: "Thiên đạo và địa ngục đạo cách nhau bao nhiêu dặm?" Kẻ lại đáp: "Cửa Thiên đạo và địa ngục đạo cùng đối án hành giáp vòng". Trở về lại, Chủ giả hỏi: "Địa ngục có đúng như pháp không? Ông không tội nên cùng Sứ giả làm Thủy quan đô đốc, còn không như thế thì cùng người trong địa ngục chẳng khác". Triệu Thái hỏi: "Người chết thế nào là vui?" Chủ giả bảo: "Chỉ có đệ tử Phật tinh tấn, không phạm giới cấm là vui". Triệu Thái lại hỏi: "Lúc chưa kính phụng Phật, tạo tội như núi chất cao, nay kính phụng pháp, tội quá ấy có trừ được chăng?" Chủ giả đáp: "Đều trừ được cả". Và gọi Đô Lục Sứ giả đến hỏi: "Triệu Văn Hòa cớ sao mà chết đến đây?" Sứ giả mở tráp xem tuổi tác ghi ở bộ tịch còn dư cả ba mươi năm, vô tình bị quỷ hung ác bắt lấy, nay sai bảo đưa trở về nhà". Từ đó mọi người lớn nhỏ, đều phát ý kính phụng Phật, vì ông bà cha mẹ và hai con

mà treo phan lọng thiết lập phước hội).

Vương Thản hoài nghi, ước hẹn chết làm chứng nghiệm (Tục Sưu ký nói: Sa-môn Trúc Pháp Độ trước cùng Bắc trung lang tướng Vương Thâu kết bạn lành, thường cùng bàn luận về sống chết tội phước báo ứng, mịt mờ khó rõ, chưa xác định là có hay không, bèn cùng yếu ước, nếu ai qua đời sớm như thần thức có biết và quyết định được việc tội phước có không thì nên báo cho nhau biết. Về sau, Vương Thản đang ở tại Đô, bỗng nhiên thấy Sa-môn Pháp Độ đến, bèn kinh hãi, hỏi: "Thượng nhân từ đâu đến đây?" Sa-môn Pháp Độ đáp: "Ngày..... tháng... ấy, bần đạo đã tận mạng, tội phước đều không luống dối, mọi sự như bóng theo hình, tợ vang theo tiếng, Đàn-việt chỉ nên tinh tấn tu hành đạo đức để lên cứu tế Thần minh. Trước kia có cùng ông ước hẹn nên lại cùng báo". Nói xong, bỗng nhiên không thấy nữa).

Tháp năm tầng chưa dựng tạo, mà đến chịu tội hình, dạo gãy mất (ở Vinh Dương, có Cao Cú tuổi đã năm mươi, vì giết người nên bị bắt giam khóa cổ trong ngục tối, trong ý cho là hẳn sẽ bị chết. Có người đồng bị giam cầm bảo: "Nên nỗ lực cùng tụng niệm Quán Thế Âm". Cao Cú nói: "Tôi tội rất nặng nên cam tâm chịu chết, chẳng do đâu mà có thể được khỏi". Người ấy lại tiếp khuyên, nhân đó Cao Cú mới phát tâm, thề nguyện sẽ bỏ ác làm thiện, và chuyên niệm Quán Thế Âm. Chẳng kể vội vàng, nếu được thoát khỏi thì nguyện xây dựng ngôi tháp năm tầng, đồ họa tôn tượng Phật, xả thân làm kẻ tôi tớ cúng dường chúng tăng. Trải qua tháng trời dụng tâm, gông cùm tự mở ra. Giám ty kinh hãi bảo cùng Cao Cú: "Sức thần của Phật xót thương ông, thì chém sẽ không chết". Đến ngày đưa ra hành quyết, nhấc dao chưa hạ xuống mà dao gãy mất. Kẻ hành hình tấu trình, nhân đó mà Cao Cú được khỏi. Rút từ Tuyên Nghiệm ký và Tục Sưu Thần ký).

Một con ngỗng sắp bị giết, vì cảm mộng mà được toàn mạng (ở thời nhà Tống, Ngô Hưng thái thú lang da Vương Tập Chi là người có học vấn uyên thâm, mến trọng Lão Trang mà chẳng tin Phật, chỉ chuyên việc chủ giết hại làm chí ý trước tiên. Mới đầu, ông ta làm Tây tỉnh lang trung ở thời nhà Tần, rất mến chuộng khách, tại nội tỉnh có nuôi một cặp ngỗng, ông rất mến vui đùa cũng nó, lấy làm thích ý vừa lòng. Ban đêm, ông mộng thấy miệng nó ngậm lại quyển sách khoảng mười trang giấy, lấy xem đều thấy nói về các việc tội phước. Sáng sớm quả nhiên thấy đó là kinh Phật, nhân đó ông bèn bỏ việc giết hại, dốc lòng kính tin hơn mọi người, về sau lại được giàu sang phú quý).

Quách Thuyên hiện thân khiến thiết lập pháp tập (Ích châu thứ

sử Quách Thuyên chết cả hơn hai mươi năm. Đến năm Nguyên Gia thứ tám (?), cưỡi kiệu dẫn theo như lúc sống, hiện hình đến nhà của nữ tu Lưu Ngưng, bảo: "Tớ khiển trích việc chưa xong, nên nỗ lực thiết hội trai diên cúng dường bốn mươi chín vị Tăng, mới có thể được khỏi". Nói xong bỗng nhiên không thấy nữa. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Thâu Văn bị đắm chìm mà không sợ sóng gió (Thâu Văn chở muối ở Nam hải, gặp phải gió dữ, chí tâm mặc niệm Quán Âm, gió bèn ngưng, sóng yên lắng, do đó bèn được an ổn. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Văn Hòa sống lại, dốc tâm kính phụng Phật (Trình Đạo Huệ là Văn Hòa, người xứ Võ Xương, xưa trước không tin Phật pháp, ở đời chỉ kính phụng đại pháp. Thấy các Sa-môn đến khất thực thì ông liền cật nạn đó, luận rằng: "Nếu cùng lý tận tánh, thì không gì hơn Trang Lão". Về sau, nhân bệnh nặng chết giấc, thấy vua Diêm-la, mới biết Phật pháp đáng tôn sùng, bèn mời kính phụng Phật. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Trương Đạt bị giam cầm được phóng thả, mới chí tâm tu trì trai giới (Trương Đạt có tội, bị bắt giam ở ngục, đáng phần phải chết, mới chuyên niệm Quán Âm, gông cùm tự mở, nhân đó bèn được thoát khỏi, mới trọn đời tu trì trai giới. Rút từ Biệt truyện của Trương Thị).

Ngô Hưng bị thiêu đốt hết, nhà kinh vẫn như cũ (trong khoảng niên hiệu Nguyên Gia (?), trong Quách Ngô Hưng, từng bị nạn lửa thiêu đốt hết, chỉ có ngôi nhà tranh cỏ tôn thờ kinh vẫn nghiễm nhiên như cũ, người đương thời cho là Thần vậy. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Bồ thành bị nạn lửa, Tinh xá không bị cháy (năm Nguyên Gia thứ tám (?), ở thành Bồ Phả tại Hà đông gặp phải nạn lửa không thể cứu, chỉ có các ngôi Tinh xá lớn nhỏ vẫn nghiễm nhiên, kinh tượng ở các nhà cư sĩ tại gia đều không bị tổn hoại rơi đổ, trăm họ đều kinh dị gấp bội, cùng nhau phát tâm. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Ở miếu thờ trời tại Kiến Khương có con ngỗng chết mà trở lại kêu (nơi đường hẻm ở quận Kiến Khương có miếu thờ Tứ thiên vương, mỗi tháng đến ngày sóc vọng (mồng 01 ngày 15) thường giết hại muôn sinh sắc trắng để cúng tế, mọi người gọi đó là tập tục người Hồ. Về sau, giết ba con ngỗng trắng, làm xong, bỗng nhiên ngỗng kinh hãi vùng vẫy kêu thương chạy vào dưới tòa thờ thần miếu báo mộng, Thần bảo: "Ta là đệ tử lớn của Phật, vốn không giết hại, nghiêm trì giới thanh tịnh, cớ sao giết ngỗng mà cúng tế? Vừa rồi giết ngỗng chết kinh sợ chạy, là muốn khai ngộ tâm ngươi". Về sau bèn cải bỏ giết hại, cũng chẳng tà dâm.

Rút từ Kiến Khương Biệt ký).

Trong chợ Ngô quận, tù nhân bị hành hình mà khỏi chết (có Thẩm Anh người ở Ngô quận bị trói buộc xử chết, ngày đưa đến trong chợ để hành hình, Thẩm Anh tụng niệm danh hiệu Quán Thế Âm, tâm miệng chẳng ngưng dứt, dao bén tự gãy, nhân đó mà được phóng thả. Một thuyết khác nói là: Lục Huy người ở Ngô quận bị trói giam ngục phân xử chết, mới bảo người nhà tạo tôn tượng Quán Thế Âm, mong được khỏi chết. Đến lúc hành hình, chém ba dao mà dao đều gãy, quan hỏi đó, mới nói: "Sợ là do sức Từ của Quán Thế Âm". Đến lúc trông xem trên cổ tôn tượng mới có hiện ba vết dao, nhân đó tấu trình mà được khỏi. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Thần miếu phụng cúng lụa quyên, liền được lìa khỏi thân trăn (Ngoại binh thượng thư Lưu... ở thời nhà Lương soạn thuật bộ Tháp Tự ký nói: Sa-môn An Thế Cao là Thái tử nước An Tức, ngầm trì vào kinh là do đó lưu xuất vậy. An Thế Cao đến hồ Cung đình tại Dự chương, Thần miếu mách bảo rằng: "Xưa trước tại ngoại quốc, tôi xuất gia làm Đạo nhân, ưa thích thực hành bố thí nhưng không nghiêm trì giới luật. Ngày nay ở đây làm thần trong hồ Cung đình, trong khoảng chu vi ngàn dặm đều là của tôi cai quản, trăm họ hiến dâng các thứ trân quý nhiều vô số, đó là phước báo của tôi do đời trước tạo nên. Nếu hay trì giới thì phước ấy có thể sinh lên cõi trời, nhưng vì hủy phạm nên phải sa đọa làm Thần. Sư là bạn đồng học, ngày nay được gặp gỡ, mừng buồn lẫn lộn có thể nói, thọ mạng tôi sắp hết trong sớm chiều, mà hình hài hôi hám dài lớn. Tôi không muốn xả bỏ thân mạng ở đây khiến dơ bẩn nước hồ, nên phải vượt qua trong đầm trống ở phía Tây núi này. Sau khi thân này hoại diệt, tôi sợ sẽ bị sa đọa vào địa ngục. Tôi có ngàn xấp lụa quyên, những thứ tạp vật hiện trong các hòm đá, sư có thể vì tôi mà dựng tạo chùa tháp, xây dựng Tam bảo, khiến tôi sau khi bỏ mạng được sinh về nơi tốt lành. Đó là điều tôi rất tha thiết muốn gởi gắm nơi sư!" Nghe vậy, An Thế Cao thương cảm, lệ rơi lai láng, bảo với Thần rằng: "Sao chẳng hiện rõ thân hình mặt mũi để cùng trò chuyện?" Thần đáp: "Bởi tội hủy phạm giới nên thân hình rất xấu xí, sợ thấy ắt sẽ kinh sợ". An Thế Cao bảo: "Chỉ cần tạm hiện rõ thân hình, tôi không khiếp sợ". Thần bèn từ sau sàn dần xuất hiện đầu ra là một con trăn lớn bò đến nơi đầu gối An Thế Cao, lệ đổ tợ mưa tuông, không biết chiếc đuôi dài ngắn bao nhiêu, chốc lát trở vào lại sau sàn. Khi ấy, An Thế Cao gom lấy lụa quyên và các vật đưa vào trong thuyền rồi giả biệt mà lui, cùng các khách lữ đồng lúc căng buồm lên đường. Thần lại hiện rõ thân hình

trăn rắn bò leo lên đảnh núi, xa trông theo lướt đi, mọi người vẫy tay, sau đó mới ẩn mất. Chỉ khoảnh khắc thì đến Dự chương, bèn ở tại xứ đó tạo dựng chùa Đông Lâm. Thần chuyển dời sang phía Tây núi mà xả bỏ thọ mạng, đầu đuôi dài lớn cùng cách nhau hơn bốn mươi dặm. Hiện nay tại quận Tầm Dương có thôn Rắn (Xà thôn), tức là đó vậy. An Thế Cao trở về lại kinh đô, đem các vật còn lại trong miếu đến chùa Ngõa Quan xây dựng ngôi tháp cao ba tầng. Về sau, An Thế Cao mộng thấy Thần đến mách bảo là nhờ Sư vì tạo phước nên đã được lìa khỏi thân hình trăn rắn. Trích ở Tuyên Nghiệm ký).

Xa mẫu đốt đèn, không kỳ hạn mà con trở về. (Xa mẫu gặp phải nạn của Lô Lăng Vương Thanh Nê ở thời nhà Tống, bị Phật Phật hung nghịch bắt giam ở trong doanh trại giặc. Người mẹ từ trước vốn kính phụng Phật, nên đốt bảy ngọn đèn trước tôn tượng Phật, suốt đêm ngày tâm thành tinh tấn khóc cầu Bồ-tát Quán Thế Âm, mong cho con được thoái khỏi. Cứ như thế trải suốt cả năm trời, người bỗng nhiên được tha trở về. Bảy ngày bảy đêm riêng một mình từ phương Nam mà chạy, gặp phải trời râm tối nên không nhận biết được hướng Đông tây. Xa thấy có bảy đoạn ánh sáng lửa nên cứ trông theo lửa mà chạy, tợ như gần đến thôn xóm nên muốn vào nhưng trọn không được. Cứ như vậy, qua bảy đêm, bất chợt về đến nhà, thấy người mẹ riêng một mình đang phủ phục trước tôn tượng Phật, lại thấy có bảy ngọn đèn, nhân đó mới tỏ ngộ. Mẹ con cùng nhau trò chuyện, biết đó là do sức thần của Phật. Từ đó về sau chuyên khẩn thiết thực hành bố thí, tu hạnh nhẫn nhục. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Lại bộ Khổng Quỳnh do phóng sinh mà được thoát khổ (Lại bộ thượng thư Khổng Quỳnh là Ngạn Bảo, vốn không tin Phật, nhân ngày mồng tám tháng tư, cùng Phạm Thái đến chùa Ngõa Quan phóng sinh sám hối. Sau khi chết khoảng vài tuần, gá mộng báo cùng anh em và con cái là: "Tôi vốn không tin Phật, nhân cùng Phạm Thái phóng sinh, nhờ sức tạo việc lành nay được thoát khổ. Tội phước báo ứng quyết định không sai. Các người cần nên chuyên tâm làm phước trợ giúp cho tôi mà tu thiện thì có thể thoát khổ vậy!" Rút từ Quỳnh Biệt truyện).

Đạo sĩ Sử Tuấn nhân rưới tắm tôn tượng mà trở lại đi được (Sử Tuấn là người có học thức kính phụng Đạo mà khinh thường Phật, từng bảo với mọi người rằng: "Phật là Thần nhỏ, không đáng để phải tôn thờ". Mỗi lúc thấy tôn tượng thì thường khinh lờn dèm chê. Về sau, nhân mắc bệnh cẳng chân bại liệt, mong cầu các thứ phước báo nhưng đều không hiệu nghiệm. Có người bạn thân là Triệu Văn bảo rằng:

"Theo trong kinh đạo nói về phước báo thì rưới tắm tôn tượng là phước báo lớn nhất. Có thể thử tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm". Sử Tuấn vì bệnh nên gấp vội theo như lời nói mà rưới tắm tôn tượng. Khi tôn tượng hoàn thành, Sử Tuấn mộng thấy Bồ-tát Quán Thế Âm, bèn được lành mạnh. Rút từ Tuyên Nghiệm ký và Minh Tường ký v.v...).

Tôn tượng do vợ của Trần Phạm tu tạo có ánh sáng tỏa chiếu khắp tòa (vợ của Trần Huyền Phạm vốn dòng họ Trương, là người tinh tâm kính phụng Phật, thường ước nguyện tự tu tạo một tôn tượng Phật bằng vàng ròng để cúng dường. Có mong cầu thảy đều thành tựu, chuyên tâm lâu ngày, bỗng từ tôn tượng Quán Thế Âm bằng vàng ròng tỏa phóng ánh sáng dài rộng năm thước trên tòa cao vút. Rút từ Minh Tường ký và Tuyên Nghiệm ký v.v...).

Mẹ của Trương Đạo nhả lửa tỏa sáng mâm bàn (mẹ của Trương Đạo vốn dòng họ Vương, là người chí thành tin kính, nhân ngày mồng tám tháng tư đang lúc thọ trai cảm được xá-lợi tỏa phóng ánh sáng tuông ra từ miệng, soi chiếu nơi mâm bàn thức ăn. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Bộc xạ Trịnh Tiên cảm được sâu mầu nên kéo dài tuổi thọ (Trịnh Tiên tự là Đạo Tử, là người khéo giỏi tướng võ, tự biết tuổi thọ của mình ngắn ngủi, nghĩ suy không biết làm sao để kéo dài. Nhân mộng thấy một vị Sa-môn hỏi han, bảo muốn kéo dài mạng sống thì nên trong sáu ngày trai phóng sinh tu thiện, nghiêm trì trai giới thì có thể kéo dài mạng sống và được phước. Trịnh Tiên nhân đó kính phụng giáo pháp bèn được sống thọ lâu năm. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Thượng thư Lưu Thức chí tâm nghĩ nhớ tôn tượng trở về (Lưu Thức Chi người ở Bành Thành thường cúng dường một tôn tượng, tự nhiên vô cớ bị mất chẳng biết ở đâu, giữa đêm khuya Lưu Thức Chi nghĩ suy hổ thẹn tự trách, chí tâm nghĩ nhớ ngầm thông, trải qua trăm ngày sau, tôn tượng ấy bỗng nhiên thấy trở lại nơi chỗ cũ, ánh sáng Thần tỏa chiếu khắp phòng, mọi người trong nhà đều kinh sợ mừng vui, càng gấp bội dốc tâm chí thành. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Lưu Di Dân tinh cần tư duy, giữa chặng mày tỏa phóng ánh sáng. (Lưu Di Dân người xứ Bành thành, thuở thiếu thời là một Nho sinh, chịu tang người thân giữ đạo hiếu, mọi người đều biết tiếng tăm. Vì nhà nghèo khổ nên đến làm chòi ở trong chùa Tây Lâm tại Lô sơn. Thân hình lắm bệnh tật nên không nghĩ tưởng đến vợ con, tuyệt dứt lui tới, tinh chuyên tư duy thiền pháp. Trong khoảng nửa năm, thấy tướng giữa chặng mày dần dần thấy hiện một mắt Phật và hai sắc màu ở khoảng

chân tóc, lại thấy toàn thân, mọi người cho đó là họa vẽ. Lại thấy một đạo nhân phụng cúng minh châu, nhân đó bệnh bèn lành khỏi. Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Ngô Vương bao vây chùa bắt bớ chư Tăng, xá-lợi nổi tỏa ánh sáng ở trên Bát (ở thời Tôn Hạo (Quy Mệnh Hầu 264-280 thời Đông Ngô) có Vương Chánh biện sự nói: "Với Phật pháp, cần nên hủy diệt, tại Trung Quốc không lợi ích gì ở Hồ thần". Tôn Hạo bèn ban sắc chiếu nhóm tập các vị Sa-môn, dàn bày binh lính bao vây chùa, muốn thực hành việc giết hại, bảo cùng Pháp sư Khương Tăng Hội rằng: "Nếu Phật có sức Thần thì nên sùng kính, còn như không linh nghiệm thì các Sa-môn cùng một ngày chung mạng, chư Tăng hoặc đều phải chết, hoặc nên trốn lánh ra nước ngoài". Pháp sư Khương Tăng Hội mới xin thiết trai kỳ hẹn bảy ngày sẽ hiện sức thần biến. Bèn đem một bát đồng đựng đầy nước đặt ngay giữa sân, sau khi thọ trai buổi trưa xong mà bầu trời tỏa sáng, bỗng nhiên nghe trong chiếc bát ở giữa sân có tiếng động, chợt thấy xá-lợi nổi trên bát tỏa phóng ánh sáng khắp cả phòng nhà. Tôn Hạo và mọi người đến trước trông xem đều kinh sợ đổi sắc mặt, khó giữ nỗi sự bình tỉnh mà tiến tới. Pháp sư Khương Tăng Hội nói: "Bệ hạ sai người có sức mạnh của Mạnh Bí dùng chày nặng trăm cân bằng chất Kim cang đánh phá trọn không hủy hoại". Tôn Hạo bèn y như lời nói: "Xin trước nên phúng tụng kinh bối, đốt hương rải hoa lễ bái, xướng tụng lớn tiếng thành khẩn vận cách đức Từ Thị đượm nhuần chưa dứt thì bánh xe chánh pháp dần xoay chuyển thấu suốt muôn loại, oai thần không ít nên hiện ở ngày nay, còn không như vậy thì Tam bảo sẽ trọn tuyệt dứt". Nói xong, người tráng sĩ khua chày phát sinh gió, mọi người trông xem kinh vợ mà nín thở, chày vỡ bể mà xá-lợi không tổn hoại, ánh sáng tỏa phát soi chiếu khắp phòng nhà. Tôn Hạo cúi đầu chí thành cầu khẩn tu tạo trai hội giảng pháp. Tháp ấy hiện ở phía Bắc chợ lớn tại Kiến Khương. Về sau còn tỏa chiếu ánh sáng tốt lành. Đến mùa thu năm Nguyên Gia thứ mười chín (241 - thời Tiền Tống), giữa đêm từ chùa tỏa phóng ánh sáng màu hồng xinh đẹp, có ánh lửa hợp trên bốn tầng từ phía Tây nhiễu quanh đến phía Nam. Lại thấy có một vật tợ quạt đuôi Trĩ cùng theo sự tiến dừng đó. Không rõ tên nói là gì, các người trông xem hoặc có người gặp hoặc có người không gặp, suốt thời gian hai mươi ngày khắp trong thành đô phố chợ đều xá-lợi có ánh sáng sắc tía lớn. Rút từ Ngô Lục và Tuyên Nghiệm ký).

Đinh Linh hung nghịch bắn mặt nguyệt mà lại bị chết (trong Tuyên Nghiệm ký nói: Ở Ly thành tại Tương châu có một tôn tượng đứng bằng

vàng ròng cao trượng sáu. Gặp lúc Đinh Linh Thiền Vu đến; là một người tánh nết hung bạo, không tâm tin kính mới dùng cung tên bắn vào tôn tượng, mũi tên trúng vào mặt tượng, máu huyết tuông đổ. Tuy gia công tu sửa lại nhưng vết sẹo huyết đổ vận hiện còn. Lại tuyển chọn năm trăm lực sĩ lôi kéo khiến tượng đổ ngã nơi đất, phá dẹp tôn tượng để nấu đồng, phỏng định sung làm binh khí. Từ miệng tôn tượng ấy mới phát ra tiếng lớn âm vang như sấm động. Các lực sĩ kinh hồn tan đảm, mọi người đều té ngã nơi đất, mê muội xoay chuyển, kinh sợ chẳng thể dậy nỗi. Từ đó, tâm bọn giặc dần hồi tỉnh lắng, lo sợ kính tin quy hướng đông nhiều. Về sau, Đinh Linh cảm mắc bệnh, bị giết mà chết).

Hách Liên hung nghịch đùa vui che đậy tôn tượng nơi áo mà bị sấm sét đánh chết (Trong Tuyên Nghiệm ký: Phật Phật hung nghịch phá hoại khắp trong Ký châu, các hàng đạo tục đều bị giết hại, hung ngược bạo loạn giết chết không dám chán. Cho đến cả trong Quan châu, người chết hơn một nửa, hình cốt phụ nữ trẻ con chất chồng thành núi, phóng túng tâm giết hại ấy mà tự lấy làm vui. Và, tự bảo rằng: "Phật Phật là Phật trong loài người đáng nhận sự lễ bái". Bèn sai bảo tạo một tôn hình tượng Phật đeo mang trên lưng, vào trong điện mà ngồi, khiến các Sa-môn khắp trong nước nhà đều hướng về lưng mình mà lễ bái tượng Phật tức là kính bái ta. Về sau, nhân đi ra ngoài, bỗng nhiên mưa gió bão bùng ùn nổi, bốn phía đen tối mịt mờ, chẳng biết hướng để trở về, sấm sét nổ rền vang động mà chết. Sau khi đã chôn cất trong phần mộ, sấm sét lại nổ tung, quan tài tung vỡ, thây xác văng ra ngoài, trên lưng có ghi các chữ "hung nghịch vô đạo" v.v... Mọi người trong nước nhà mừng vui, nhưng còn giận ghét gã đó chết muộn. Thời gian ngắn bị sách đầu chủ Sa Khuê vùi dập, vợ con đều bị hành hình giết hại. Thấy ở Tiêu Tử Hiển Tề Thư).

Thác Bạt phá hủy chùa, khắp thân thể máu mủ nồng hôi (Vua Thái Võ đế (Thác Bạt Đào 424-452 thời Bắc Ngụy) hủy báng Tam bảo, phá hoại chùa tháp, sau đó khoảng vài năm, khắp thân mình phát sinh ghẻ lở, máu mủ tanh nồng rơi đổ đầy thân. Bề tôi bàn luận cho đó là bởi Phật thần khiến nên. Rút từ Thôi Hạo truyện).

Võ Văn Đế phá hủy chúng Tăng, khắp thân mình lở loét nồng hôi (Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579 thời Bắc Chu) phá hủy Tam bảo. Về sau ở tại cung Vọng di cảm phát bệnh nặng dữ trải suốt hằng tuần không lành, bỗng chốc mà chết).

Tạ Hối hủy phá pháp, bị bệnh tật nhiều năm (Trong Tấn Lục nói: Thượng thư Tạ Hối trước lúc chưa phát tâm, làm Hình châu thứ sử, cho

rằng chùa tháp không nên để tồn tại ở dân gian, phải nên chuyển dời ra ngoài biên địa. Ông bèn tự đốc suất dẫn dắt bộ hạ đến cửa chùa Tân, sai khiến quân đội bảy mươi - tám mươi người mỗi mỗi tự cầm dao búa phá hủy Phù Đồ tôn tượng nghiêng đổ, ngói gỗ vải rơi. Bỗng chốc sấm sét nổ đúng, trời đất mịt mờ, gió bụi tung nổi, Tạ Hối kinh sợ bỏ chạy, quân đội đều khiếp hãi rả tan chẳng biết đi đâu. Đến đêm, Tạ Hối v.v... đều mộng thấy vị Sa-môn bay vọt giữa hư không, tỏa phóng ánh sáng rực rỡ. Lại thấy có hai người thân hình đều cao hơn cả trượng, dáng vẻ oai hùng to lớn, gằng tiếng trừng mắt bảo: "Các ông làm việc trái đạo, sau đây sẽ tự thấy biết". Về sau, mọi người trong quân đội ấy thân thể đều cảm bệnh hung cùi, qua thời gian mà chết, còn các người khác đều bị phạm pháp mà chịu chết. Tạ Hối suốt nhiều năm mang tật bệnh. Về sau nhân vì mưu phản nên cả gia đình đều bị giết, chẳng phải mạng chung mà chết vậy).

Tôn Hạo tiểu tiện nơi tôn tượng, dương vật sưng đau nhiều tháng (trong Tuyên Nghiệm ký nói: Ngô chúa Tôn Hạo (Quy mệnh hầu 264-280 thời Đông Ngô), tánh tình bạo nghịch, làm những việc chẳng gần nhân tình. Ông cùng các thể nữ sửa sang đất đai trong vườn, bỗng nhiên gặp được một tôn tượng bằng vàng, hình tướng trang nghiêm. Tôn Hạo bảo đặt tôn tượng bên cạnh nhà xí che đậy gìn giữ. Đến ngày mồng tám tháng tư, Tôn Hạo mới tiểu tiện trên đầu tôn tượng, cười mà bảo rằng: "Nay là ngày mồng tám nên vì người mà rưới tắm trên đảnh". Và đối trước các hàng thể nữ tự lấy đó làm vui. Sau đó một thời gian, dương vật bỗng nhiên sưng lớn, đau nhức rất nóng, không sao nhẫn chịu nỗi, từ đầu đêm suốt tới sáng đau buốt mong muốn chết. Các bậc danh y chạy chữa bằng mọi thứ thuốc mà bệnh càng tăng thêm. Quan Thái sử chiêm đoán bảo do phạm trái với Đại thần mà mắc bệnh, và bảo đến cầu đảo nơi các linh miếu. Nhưng mỗi một lần cầu đảo thì mỗi một lúc càng đau quá lắm, mọi người trên dưới chẳng biết tính làm sao. Trong cung có một thể nữ nguyên trước rất kính phụng Phật pháp, bên trong nội tâm có khả năng nhận biết, phàm mọi việc nói ra phần nhiều đều trúng, mới tấu trình rằng: "Bệ hạ đã đến khẩn cầu nơi tôn tượng Phật chưa?" Tôn Hạo hỏi: "Phật là Đại thần ư?" Thể nữ ấy đáp: "Tôn quý trong thiên hạ không gì bằng Phật. Trước kia Bệ hạ có được một tôn tượng hiện còn ở bên cạnh nhà xí, xin nên nhận đưa vào để cúng dường, chứng bệnh sưng đau hẳn sẽ được lành". Tôn Hạo vì quá đau nhức, nên bảo sắm gấp các thứ nước ấm nóng hương thơm, tự tay tẩy rửa tôn tượng và đem thiết đặt trên điện, cúi đầu sám tạ lỗi quá, chí tâm thành khẩn thiết tha. Ngay

đêm đó đau nhức liền ngưng, sưng đọng tiêu mất. Bèn đến nơi Pháp sư Khương Tăng Hội cầu xin thọ trì ngũ giới, xây dựng chùa Phật, cúng dường chúng Tăng).

Chu Cung giết hại vô vi mà bị rơi lạc vào hầm xí (ở thời nhà Tống, có người xấu ác tên là Chu Cung, thường lấy việc giết trộm làm kế sống. Ban đêm đến chùa Liên Hoa giết chết cô ni trộm lấy đồ vật, suốt cả đêm vòng quanh trong viện mà chạy chẳng biết lối ra, bèn rơi lạc vào hầm xí mà chết, trên lưng còn dính mang đồ vật. Rút từ Sư Thần lục).

Đổng Lễ cướp giết vị Tăng mà chết bởi trâu húc (Đổng Lễ thường chuyên trộm cướp của chư Tăng, có được của vật đưa về nhà linh đình thết đãi khách bạn. Bỗng nhiên có một con trâu điên từ ngoài đi vào đến nơi chỗ ngồi, húc vào Đổng Lễ mang đội trên sừng mà chết. Rút từ Lương Hậu ký).

Bình Nghiệp nung nấu tôn tượng mà mắt bị mù lòa (ở thời nhà Lương, có người tên là Thôi Bình nghiệp rất tài giỏi nghề bắn tên cưỡi ngựa, làm võ sĩ giám quân, suốt đời lại chuyên việc trộm tôn tượng Phật nung nấu thành đồng, bán đồng để cung cấp cho việc uống rượu ăn thịt, trong tâm không hề xấu hổ lo sợ. Đến lúc năm mươi tuổi, vợ con anh em đều chết hết, chỉ còn một thân mình Bình Nghiệp, bỗng nhiên cảm mắc bệnh mù lòa, đói lạnh rất ngặt nghèo mà chết. Rút từ Lương Hậu ký).

Trấn Ố trộm chuông mà lưỡi cuốn như tơ (ở thời nhà Lương có Đạo sĩ Vương Trấn Ố rất có học thức mà không thiện tâm, mở miệng phần nhiều đều nói lời hủy hoại, cũng là kẻ bị người thời bấy giờ ganh ghét. Trấn Ố khinh thường Phật pháp, thấy chư Tăng thì hẳn cười chê chế nhiễu. Về sau làm nghề dạy học, bấy giờ có Sa-môn Pháp Mãn ở chùa Lộc Khê gởi một quả chuông đồng ở trong chỗ Trấn Ố dạy học. Đang lúc chưa lấy lại, Trấn Ố trộm lấy đem đúc tiền, sau đó lại cùng Sa-môn Pháp Nhãn nói lời thề thốt. Trải qua mấy năm sau, Trấn Ố cảm mắc bệnh nặng mà chiếc lưỡi cuốn lại như tơ, miệng không nói được. Đã biết trái với lời thề, Trấn Ố mới xả bỏ của cải chú đúc quả chuông để chuộc tội, nhưng mãi đến lúc chết miệng vẫn không nói được. Rút từ Vương Thị Gia Giới).

Tổ Thâm hiến dâng sách kế mà cảm mắc bệnh Bạch lại (ở thời nhà Lương có người tên là Trịnh Tổ Thâm dâng trình vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550 thời Nam Dương) quyển sách gồm mười tám điều sự, xin phá bỏ các ngôi chùa nhỏ và các hàng Tăng Ni không có danh bộ nghề nghiệp ở trong thành quách, vua Võ Đế chẳng nhận chịu. Về sau

Tổ Thâm mộng thấy có vị Thiên thần khạc nhổ nơi mặt bèn cảm mắc bệnh bạch lại, tuy ăn năn hối cải mà bệnh chẳng lành khỏi. Rút từ Oan Hồn ký).

Nguyên Trung dâng sách kế mà cảm mắc bệnh hoạn phong nhiệt (Vệ Nguyên Trung sau khi phá hủy Phật pháp, tự thân cảm mắc bệnh phong nhiệt, gục đầu mà chết).

Thượng khách chết mà rống tiếng dê kêu (trong Nhan Thị nói: Vương Khắc làm Vĩnh gia quận thú, có người trộm bắt dê, nhóm tụ khách bạn muốn bày yến tiệc, mà dê sổng dây buộc chạy đến nơi một vị khách quỳ lạy hai lạy xong bèn vào núp trốn trong áo, vị khách ấy trọn chẳng nói năng gì. Nhân không cầu xin cứu giúp, chỉ chốc lát kẻ mổ giết bắt lấy thui nướng. Trước tiên đến nơi vị khách, một miếng thịt đưa vào miệng bèn lọt xuống da thịt rảo khắp bên trong, thân thể đau nhức kêu gào. Vị khách ấy mới nói việc đó, lại rống làm tiếng dê kêu mà chết).

Huyện lệnh tĩnh ngộ mà bệnh phát sinh (ở thời nhà Lương có người làm Huyện lệnh đến nghỉ lại nơi chùa. Dân chúng ở quanh đó đem trâu và rượu đến hiến dâng Huyện lệnh. Huyện lệnh đưa trâu buộc nơi cột chùa, dẹp bỏ các tôn tượng Phật, bày sắp giường tòa nơi điện Phật để tiếp đãi khách bạn. Trong lúc chưa giết, trâu cởi bức dây buộc đến nơi thềm cấp mà bái lạy, Huyện lệnh cười lớn bảo mọi người giết mổ. Ăn uống no say rồi bèn nằm dưới rèm, đến lúc tỉnh giấc, cảm thấy thân mình đau nhức ngứa ngáy, cào gải cùng mình, nhân đó thành bịnh hung cùi, suốt mười năm mới chết. Rút từ Nhan Thị Gia Huấn).

Bộ Khúc sinh con trai tự nhiên không có tay. Triều Thỉnh ăn tro than như dao kiếm đâm vào thân mình (Dương Tư Đạt làm Tây dương quận, gặp phải lúc Hầu Cảnh làm loạn, khi ấy lại bị khan hiếm thóc lúa, dân chúng mót trộm lúa tẻ trong ruộng. Tư Đạt sai một Bộ Khúc gìn giữ trông coi, nếu bắt được kẻ trộm thì chặt cánh tay, và có hơn mười người bị chặt tay. Về sau, Bộ Khúc sinh một đứa con trai tự nhiên không có tay. Ở nước Tề, có một người kính phụng Phật là Triều Thỉnh ở nhà rất giàu có xa xỉ, chẳng phải tay giết trâu thì ăn uống đó không ngon lành. Đến năm ba mươi tuổi, cảm mắc bệnh rất nặng, bèn thấy trâu đến húc chạm vào ngực, khắp thân thể như bị đao kiếm đâm chích, kêu gào mà chết. Rút từ Nhan Thị Gia Huấn).

Người thời nhà Lương tắm gội tóc, trên đảnh đầu có tiếng gà kêu (ở thời nhà Lương có người thường dùng ngòi trắng trứng gà hòa với nước để tắm gội, cho là như vậy tóc sáng mượt. Mỗi lần tắm phá hại

hai mươi - ba mươi quả trứng gà. Đến lúc gần chết, trong đầu tóc chỉ nghe tiếng kêu chiêm chiếp của hàng ngàn gà con. Rút từ Nhan Thị Gia Huấn).

Lưu Thị bán canh thịt, trên đầu con tợ lươn (ở Giang lăng có người dòng họ Lưu chuyên làm nghề bán canh thịt lươn. Về sau sinh một đứa con, mà trên đầu thấy thật là lươn, từ cổ trở xuống mới là thân người. Rút từ Nhan Thị Gia Huấn).

Xét xem những vết tích của sự kính tin hay hủy báng, thật như ảnh bóng theo hình, ảnh hưởng trong hang cốc vang theo tiếng. Tai nghe và mắt thật nghiệm thấy, có thể sơ lược mà nói, khuyên gắng thay cùng ông và tôi, mong may tự có thể thoát khỏi.

Nho sinh nói: Căn cứ ý chí chân thật của sư thì thiện ác quẩn bách, kính tin hay hủy báng có quả báo tương giao. Nhưng trộm thấy, Nhan Hồi là người đức hạnh lại mắc phải chết yểu, còn Đạo Chích là kẻ hung cường bạo ngược mà có được tuổi thọ lâu dài. Hai vị vua kính phụng Phật mà giết hại cả gia tộc, ba người dòng họ Trương tôn phụng đạo mà diệt mất cả dòng tộc. Thực hành việc thiện mà bị tai họa, tạo tác việc ác nhưng không ương lụy, chứng nghiệm của quả báo tương giao há chẳng phải là điều nói hư dối?

Bậc Khai dẫn dụ rằng: Nhan sinh biết mười, nhưng tôi đây còn rõ hơn, nêu bày góc chẳng trái lại, thật đáng xấu hổ vậy. Nhưng một đời hạn cuộc mà nói ngọn nguồn. Thuyết giáo của bậc Thánh nói có nghiệp hiện tại khổ, có khổ báo, có hiện nghiệp; an lạc có khổ báo, có nghiệp hiện; khổ có an lạc, quả báo có nghiệp hiện; an lạc có an lạc quả báo. Hoặc các phước thừa khác chưa hết thì ác chẳng liền thêm, hoặc tội khiên xưa trước hiện còn thì thiện duyên bèn phát. Thêm than vào lửa đâu thể được nói là không, như mờ tối tìm theo âm thanh phải biết hẳn có. Vả lại, phàm thiện ác có chỗ kết quy, báo ứng không sai nhầm. Giáo điển của Chu Khổng đều đồng thuyết này. Có thể vì làm việc thiện mà gặp phải tai họa đến, làm điều xấu ác mà được phước lành lại, tức cho rằng Khổng Khâu nói hẳn hư dối, vả lại đàm nói chẳng thật ư? Cũng như nhà Ngô ở Giang nam không tin có màn trướng ngàn người, nhà Hán ở Hà bắc không tin có chiếc mâm muôn thạch, không được đem tiểu tâm của Bồng Ngãi mà suy lường vận xa của Phù Diêu. Dòng họ Nhan dạy răn con cái rằng: "Các người khác nếu nhìn lại còn có mưu kế thế tục, tạo dựng cửa nhà, chẳng bỏ vợ con, chưa thể xuất gia, còn phải kiêm thực hành giới hạnh, lưu tâm đọc tụng lấy làm vốn liếng cho đời sau. Thân người khó được chớ sống luống qua không". Phàm người

có con cháu, tự phải là một thương sinh trong khoảng đất trời. Cho tấm thân trọn có gì thân thiết bằng ư? Mà mới mến thương gìn giữ, vì đó mà cần khổ, khiến vì gia sản sự nghiệp lo toan đó vui buồn đói no, huống gì đối với Thần sảng của chính mình mà chẳng tự nghĩ suy nhanh chóng muốn vất bỏ đó ư? Có thể nói là lầm mê từ huấn của bậc Đại Thánh, tin theo lời nói ước đoán của người phàm ấy vậy.

CHƯƠNG THỨ CHÍN: VĂN VẺ TRONG CÁC SÁCH

Nho sinh hỏi: Các bậc Thánh nhân lập bày giáo pháp đều có nguyên nhân. Xin vì nói rõ đó, mong được nghe xác định thú hướng?

Bậc Khai sĩ dẫn dụ bảo: Xưa trước có cụ già miền quê không tên, chẳng biết là người xứ nào, chưa rõ dòng họ là gì, dừng ở tại phía Nam Thanh khê cách ngàn nhẫn, và thuộc phía Bắc Tử đài cách bảy bàn. Thế đất ưu thắng, núi tên là Vị Du, cửa gối ngọn núi cao, rèm gần đến khe biếc, quên lo toan an vui lâu dài. Đã là sương mốc trải bày nơi sân rộng, che đội áo lá sen cũng lộn xen bày nơi ao cong. Làn mây tạm nổi ánh bóng sáng ngời Triệu châu, ráng gấm vừa buông tỏa sáng bao gồm gần mặt nhật, trải trúc rưới quét đàn tranh bày xanh biếc ở trong vườn, ngô đồng tươi tốt che phủ giếng đua chen rủ im viện rộng. Thềm nhiều liễu rủ, cửa treo huyền la, đá nằm tợ sàn giường lâu giăng bày dưới rừng. Suối bay như mưa thường rưới trước cửa sổ, gió tùng dẫn Hạc kêu cùng ai thương, chim xuân cùng tiều phu ca ngâm đồng vận. Thật là chốn đất lành nương gá tâm, nơi Đào Nguyên lánh đời ấy vậy!

Tôi từ lâu tiếp thừa linh dị mới bèn qua đó, tháng năm năm Kỷ mùi, mang vác hòm rương chống gậy từ xa mà đến. Cụ già mới vỗ khảy đàn cầm của Cấp Quận, khua động tiếng trống của Tô Môn, nhân đó ca khúc nhạc Tuyết trắng (Bạch tuyết), chợt ngâm vịnh thiên núi xanh (Thanh sơn) với ngôn từ: "Nguyên Thục thế vị thấp, Trường Khanh quan kém tình hai khoảnh làm ruộng lúa, ba tiền giành nuôi ngựa, ngọn cao nổi mây trắng, vầng nguyệt dưới núi xanh, trong lòng muốn có tiếng, chưa được quên nói năng".

Nhân đó, tôi nhún nhường nói: "Phàm dùng hình tượng để phô bày ý, được ý thì hình tượng quên; lời nói dùng để hiển bày lý, thấm nhuần lý thì lời nói dứt. Nên biết, dùng lời nói để được lý, chẳng đợi cầu xin mà tự nói; mượn hình tướng để hội ý, hẳn gá cớ mà sau đó cử động. Kia dùng vô ngôn mà nói đó, đây cũng lấy không nghe mà nghe đó. Nói chỗ không lời ấy lý tự ngầm hợp, nghe chỗ không được nghe đó kết quy đại thông. Do đó, miệng không chọn lời, nên thiên hạ vâng theo; lời nói không dối bày nên thế giới kính ngưỡng".

Khi ấy Cụ già buông đàn cầm rời khỏi chỗ ngồi, nắm tay mừng bảo rằng: "Tôi gặp được người vậy! Tôi gặp được người vậy!" Và bèn dẫn tôi đến nơi quán Phong đình du nguyệt, mở kho văn uyển tứ thư, đọc xem Di kinh của Khổng Bích, trông nhìn văn lý của Cấp Trủng, tìm Điển ký của Đông Quán Nam Cung, xét phương thức của Ngọc Hàm

Đan Chẩm. Ghé mắt thời gian lâu, nhân đó mới hỏi rằng: "Bần đạo nhận chịu thân hình chẳng lợi, thường mắc phải chứng trầm kha. Vả lại, bệnh đã vào lồng ngực, các phương thuốc đều không hiệu nghiệm, nhiều năm ăn bánh bột, chưa thấy sự giảm lành. Đến như soi chiếu tuyết ngưng tụ đom đóm, gắng sức đã nhọc mệt, bảy phái bảy lược khó thể men vin trời, muôn quyển trăm nhà mịt mờ tợ đi biển. Tiên sinh là người đã thấu suốt Tứ đạt, ở đời xưng gọi là người thông rành. Vậy, xin hỏi: Sách vở trong dân gian có cả thảy bao nhiêu?" Tôi đáp: "Trộm đọc làm lợi mình đâu phải lợi ích ưu tối?"

Cụ già nghe thế, xót thương đổi sắc mặt, ngưng lắng giây lâu mới bảo: "Xưa trước tập học Đối của Úc Khuất Di Thiên, dòm ngó lời của Đàm Thôi Đăng Địa. Trước mặt thợ khéo giỏi khó thể múa búa rìu. Tuy nhiên, Lễ nói: "Không lời chẳng dạy răn, đâu nên cứng buộc lưỡi". Nay thô thiển phô bày xác thực hiến dâng để báo đáp đức âm. Thánh nhân bảo mà là Văn ký, Thương Hiệt sưu tìm viết thành sách, mà không sách không cần, không trí chẳng xem".

Tôi lại cật hỏi rằng: "Chưa thấy khai nhân chẳng đọc sách, đọc sách chưa hẳn khiến người đẹp, sao lời nói ấy khác vậy ư?"

Cụ già lại đáp với tôi rằng: "Vốn có hiểu biết rành rỏi mọi sự gồm cả nhạn gỗ mài giũa ngọc thành đồ dùng, đâu phải lời nói hư dối ư? Xưa kia các vị đầu trâu mình rắn, các bà kết lưới lông tơ, thuần phác tự nhiên, chẳng từng có điển cáo. Cho đến lúc xa rời thời gian dài, gọi là Lật Lục Triệu Hưng, mà chỗ Phu Tử, nhận biết có hơn bảy mươi đời, ngoài ra dài xa, các Thánh chẳng thể nhớ rõ. Bao Viêm đã xuất hiện, Hiên Hục nổi lên, phong kiến chợt mở bày nhân còn sách thẻ. Đến lúc văn chất cùng lẫn lộn, Đạo chí văn từ hoa mỹ. Khi ấy Ngô đặt Thượng tường, Hạ mở Tây tự, Âm xưng Hữu học, Chu bày đông giao. Đến lúc mất, nhà Tần đào hố thiêu đốt, pho quyển vất bỏ hết. Hồng Hán viết sửa tôn sùng Nho mến trọng nghề nghiệp, có Tế Nam phục sinh chuyên miệng trao truyền, hoặc gặp Tất Thư mở bày ở cấp trúng, hoặc thấy Tàn kinh xuất hiện nơi Khổng Bích. Tìm lửa Phúc chim cưu nhóm tụ nơi phần mộ ít nhiều". Nghệ Văn Chí nói: "Sáu thư bảy tịch, trăm nhà chín phái có cả thảy mười ba ngàn hai trăm sáu mươi chín (13.269) quyển. Năm trăm chín mươi sáu nhà, khác bộ phân chia gồm ba mươi sáu thứ. Trong đó, bảy kinh đều là Nhạc Chương có ba ngàn không trăm ba mươi tám (3.038) quyển". Người đời hiện nay chẳng thực hành nhạc chương, nhưng mà phong tục dạy răn ở đời chỉ có lễ và hiếu. Hiếu là gốc của lập thân, lễ hẳn dẫn đầu để trị chính". Sưu Thần Khế nói: "Một bộ kinh

hiếu có năm mươi chín quyển, chẳng phải gặp thời văn biến chất mà cũng học thành hơn kém". Đến thời Hậu Hán tôn kính Tế Tửu, Thiên tử thực hành nghi cân quyển, nên Hoàn Vinh Bái Phong Phỉ nói: "Võ lực sở dĩ mất dùng, nhóm tụ học trò hoa râm dựng chợ, thuộc cuối sách sử thêm nhiều, sung thêm xe gồm hai giá chứa đầy phòng nhà".

Đỗng Trác chuển dời Trường an chở hơn hai ngàn (2.000) chuyến, gặp phải mưa hỏng mất trăm phần không còn một. Bấy giờ người tham chọn lụa quyên trắng lại lấy làm bó buộc khăn trùm đầu. So sánh về Lạc ấp gom lấy quá ít, đầu đuôi không tàn, hoặc chẳng phải pho bộ. Khảo xét văn ký của Luận Ngữ khéo nói, Mao Thi dùng mở ngâm vịnh, Thượng thư dùng làm sáng tỏ chiếu sách, Chu Dịch dùng trình bày tốt xấu. Ba lễ khác biệt ở tôn ty, ba truyện bàn rõ về đất trời. Chiến Quốc mở đầu từ Quyền Chính, Sơn Kinh biện rành từ Khâu Lăng, ghi lục xưa nay của ba sử, đàm nói văn tự của ba kho. Tiếp đến thì Hàn Phi, Lão Tử, Mặc Địch, Trang Chu, Quản Trọng, Mạnh Kha chẳng hại Bình Trọng. Đại Đái, Tiểu Đái cùng họ mà khác tên. Đại Quan, Tiểu Quan đồng tên tự mà khác họ. Tất cả đó biên thuật trước sau mà chương quyển càng nhiều. Hoặc hai ngựa hai ban. Huyền Yến, Bảo Phác, Thái Ung, Lưu Hướng, Tôn Thạnh, Vương Sung, đến cả bảy lục của dòng họ Nguyễn, bốn bộ của nhà họ Vương.

Xét như vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương, sai Nguyễn Hiếu Tự v.v... đến điện Văn Đức Chánh Ngự soạn bộ Văn đức Chánh Ngự Thư có hơn bốn mươi bốn ngàn năm trăm (44.500) quyển. Bấy giờ vua chuyên tu nội pháp, phần nhiều phỏng tham Phật đạo. Lại sai Lưu Tra Cố Hiệp v.v... gồm mười tám người đến trong vườn Hoa lâm phân chọn yếu ngữ gồm bảy trăm hai mươi quyển, đề tên là Biến Lược, đều biên sao từ các sách xếp loại tương tự. Khi ấy các tài sĩ văn bút phải tiện kiểm dùng, đến nỗi khiến treo tóc cầm chày, duyên vẫn biếng lười.

Lại có Thọ Quang Uyển gồm hai trăm quyển, Yếu Lục sáu mươi quyển, Loại Uyển một trăm hai mươi quyển. Rốt cùng là nhà Chu, nhân nhà Ân Lễ tổn hại ích có thể biết, danh mục tuy khác, trở lại rộng hơn trước. Cũng như trên sàn giường bày trải sàn giường, dưới phòng ốc giá thêm phòng ốc.

Sưu Tín buồn nói trong Giang Nam Phú rằng: "Chữ cung vùi lấp tối, vua Nguyên Đế tự tay đốt sách mười bốn vạn quyển là phải gần bản". Trộm muốn nghi nhiều mà so sánh Hồng lưu kia lại chẳng phải chỗ hàng kém hèn lường biết, sợ lửa trải bày đó đến chìm ở Điển luận.

Pháp sư muốn đọc, tưởng chừng khó có đủ. Vả lại, nên tùy sự cần gấp chẳng thể gồm tất cả, chỉ là Huyền Vi chẳng gặp, xiển ước không đồng loại. Đến như sách sử nêu thuật toàn liên quan thỏa đáng, lời của Xuân Thu càng ở nơi nghiên xạ. Nho Phong mất ở Công chiến, Lão Trang qua nơi Khiển thang, Quốc ngữ còn hư dối, Tà Khâu sai dèm giả sử khiến năm kinh trăm họ, không gì chẳng phải hài cốt của Hàn Lâm, Dĩ Nhã lìa thanh thoáng đủ làm căn bản duyên tình. Nguồn gốc đạo làm người đó nói rõ đủ đâu gì qua lễ và hiếu kính ư? Hiếu kính là văn điển từ thời thứ Đạt Đế không thay đổi, từ mới sinh đến lúc chết thủy chung đều đủ vậy, có hiếu có trung có tín có nghĩa. Ở lý tập học để đủ khắp, đối với sự xét khó quên. Hiếu, lược nói gồm có mười tám chương, Hiếu Trị là đứng đầu; Quỷ lại đảm nhậm cung phụng dân đều là đội nhờ, suốt thông thần minh, dẫn bày phong tục. Giả sử năm hàng đều xuống, một đọc xem gồm tụng, luận chất là phô bày ở tinh thần, nói khả năng kết quy ở kỹ lưỡng, chỉ có hiếu bao quát đáng nhân đáng chứ, chẳng phải nhà tự đến như thế mà thôi".

Tôi lại nhún nhường nói: Phàm năm kinh đượm nhuần, trăm họ bày suốt, nghĩa cùng cực biết lý sâu mầu bao gồm hết tánh, thí như Bắc thần đến gần muôn tượng, tợ bể Đông dẫn nhận cả trăm sông, công chẳng cùng suy, đức không lên xuống. Cớ sao chỉ tán thán ở một quyển Hiếu kinh ư?

Cụ già đáp: "Nền tảng của đức thì nhân luân là chủ, đứng đầu trăm hạnh thì yếu đạo là cội nguồn. Vì thế, Thái Hạo Viêm Hoàng gọi đó là công việc gốc, Võ Phát Chu Đán xưng gọi là "Lớn thay!" Đến như dạy răn Tử Hạ đối với sắc nạn, lấy biết kính để chỉ bày cho Tử Du, các bậc Tiên Vương kính phụng pháp thì càn khôn muôn tượng hiển trước rõ ràng. Triết Hậu tôn thờ người thân thì núi sông phô bày điềm lành, bèn có chim ưng sắc xanh ngậm tiết, chim trỉ sắc trắng thuần bay, cây bách nơi phần mộ mùa xuân khô héo, các lặng chìm mùa Đông nhảy vọt. Ban hành đó khắp cả nước nhà, trị hóa theo luật hình khắp bốn biển. Sử dụng đó đến người trong thôn ấp, đức giáo càng thêm đối với trăm họ. Nên nói: "Hiếu trước tiên là tôn thờ người thân, kế tiếp là phụng sự Quân vương và sau cùng là lập thân vậy". Đến như giẫm trải sương mốc mà dấy cảm, ôm hoài trà rau đắng mà buộc buồn thương. Đau xót trong rừng lạnh đã tăng thêm, tâm tư cây gió càng rít cắt, đủ để cúi dâng thượng Thánh, khấp khểnh đến hàng Hạ ngu ấy vậy. Căn cứ theo Lễ ký nói: "Hiếu là súc (nuôi dưỡng)". Câu Mạng Quyết nói: "Hiếu là Tựu là Độ là Dự là Cứu là Súc". Dĩ Nhã nói: "Tốt lành với mẹ cha gọi là hiếu".

Hiếu là làm việc nghĩa. Tiếp nối kính phụng người thân. Lễ ký nói: "Súc là đạo của làm hiếu". Nuôi dưỡng đức thuận theo lý chẳng trái nghịch với thời, đó gọi là súc. Tựu nghĩa Thành, tức nói hiếu của bậc Thiên tử, nghĩa là đức của võ hay dốc hết lực mở tỏa ngòi nước để thành công lớn, ăn rau lá ở cung xấu kém. Nên Trọng Ni nói: "Tôi không liên quan vậy". Độ là hiếu của hàng chư hầu, tức trên kính phụng Thiên tử dưới đốc suốt cả một đất nước, giữ lấy pháp độ ấy, nghĩa không trái phạm. Dự là hiếu của hàng khanh tướng đại phu, chuyên cần giữ đức bên trong tự tỉnh xét, một lòng kính phụng bề trên, nếu như lợi ích cho xã tắc thì không pháp gì chẳng làm. Các nước lân cận lan truyền tiếng thơm, mưu lược trong sáng tự tỏa tràn xa. Cứu nghĩa là cùng tận, Sĩ nghĩa là sự. Có thể biện rành đó chặng dùng so sánh ở một quan. Xét đức chánh việc, trung thuận chẳng mất, dốc cả thành thật xong việc, quyết chí chẳng đổi thay.

Chu Lễ Sư Thị Chức nói: "Dùng đức để chỉ dạy mọi người trong nước: Một là chỉ đức tức lấy làm đạo gốc, hai là mẫu đức tức lấy làm hạnh gốc, ba là hiếu đức, dùng để phòng ngừa ác nghịch". Nói về công chở che đó thì gọi đó là chí đức. Nói về dụng của cắt thành thì gọi đó là mẫn đức. Ngợi ca tâm nhân ái thì gọi đó là hiếu đức vậy.

Trọng Ni trình bày về hiếu, trước tiên thuật về mến kính người khác thân nêu cao danh hiệu, sau đó mới kính trời nghĩa đất. Chu Công luận bàn về hiếu, trước hết xưng tán che trùm cắt mổ, sau mới trình bày khéo tốt đối với mẹ cha. Phu Tử sinh ở cuối thời nhà Chu, trưởng thành cuối tập tục, trông thấy hiếu để đó gọi là dứt tuyệt, bùi ngùi lễ nhạc đã suy đổ, tầng dự tham dốc chí thực hành kính cẩn đối với việc phụng sự người thân. Nhân đó những kẻ hầu hạ bên cạnh đã làm sáng tỏ đạo hiếu, học trò hiện còn biên ghi đề tên là Hiếu Kinh. Câu Mạng Quyết nói: "Trăm vua theo vâng làm, muôn xưa chẳng đổi thay, đó gọi là hiếu vậy". Tần Huyền Lã bảo một chữ phiên thành có thể trách, Thục Quải Dương nói ngàn vàng thay chuốc lấy sâu vời quái lạ đức của Hiếu kinh. Sông núi khôn lường hiếu cảm thần minh, công sánh đồng tạo hóa, so nặng thì núi Ngũ nhạc còn nhẹ, lường sâu thì dòng bốn ngòi vẫn cạn, gió mưa chẳng thể làm loạn sóng cả ấy, hư không chưa đủ để nương gá Linh dự đó. Nói ước lược mà ý chỉ sâu rộng rất mực tốt lành. Pháp sư Phật giáo có thể được nghe chăng? Xin thử nói bày để khai mở điều chưa tỏ ngộ!"

Tôi trả lời rằng: Nội và ngoại ngược nhau, chân và tục trái hẳn. Tuy vết tích khác lạ, lý của chín phái khó đồng nhất, chỉ có các bậc

Đạt Quán mới hội thông được. Như muốn bao gồm chỉ thú quy hướng, tỏ rõ đầu đuôi đó thì Tánh tướng không dùng liên quan tới cửa, sức tâm chẳng thể đến cảnh đó, quên lời dứt tuyệt tư lự, đã ngậm miệng ở thành Tỳ-da. Hết chiếu sạch thần bèn đóng thất nơi Ma-kiệt, cao sâu u nhàn, chức của Hy Hòa há biết, kín mầu Hy Di, sách của Thượng Lâm chẳng biên ghi. Tầm xét, phàm các bậc chân sĩ ứng sĩ đều gội nhuần Từ phong, phương trên phương dưới thảy đều thấm đượm Thánh giáo. Mở đầu từ Lộc uyển, rốt cùng tại Hạc lâm, thì có văn gồm ba tạng ba luân, thuyết của bốn thừa bốn cấp, ý chỉ rộng lớn của nửa chữ đủ chữ, bàn nói riêng biệt của xâu hoa và rải hoa, mênh mông dòng suối tuông vọt khó khô cạn, dẫy đầy sương mốc rủ trường sinh. Lời ấy khéo diệu nghĩa đó sâu xa. Như tám sông đồng chảy vào biển cả, tợ muôn tượng tỏa khắp giữa không. Khó hiểu khó vào, xứng với kinh của chư Phật nhậm lý; tùy loại tùy nghi, gọi là pháp điển của Bậc Chí nhân quyền hóa.

Từ Lạc thủy quấn quanh tụng Ấn thư, vườn cỏ thơm dựng đền Hoa lọng. Chu Sĩ Hành bậc cao lưu ngậm uống nước tám vị của ao A- nậu, Khích Gia Tân người quý tộc mang đeo một viên Già-đà, không ai chẳng đồng tỏ rõ tự thân mình v.v... có tánh Phật, thể đó phiền não tức là Bồ-đề. Giả sử sách thấu suốt biết xa, chữ Động Ngọc chương vàng, thuật của Tử Phòng trao giầy, thiên chương của Văn Kỷ hỏi đạo, nơi chưa liên hệ đến không không, mọi sự trọn chìm lắng ở hữu hữu, đều treo lưới của tám Ma, lại quấn lồng bốn đảo. Vừa rồi tiên sinh đàm nói, đâu là rất mực tốt lành?"

Cụ già hối tạ nói: "Có thể gọi là Lão tướng Trí Huy lại kịp đó. Sơ lược nghe pháp âm, hoảng nhiên như mất. Kính nghe lời chỉ bảo, sẽ đầy đủ vâng làm!".

■